

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/KDTM-PT

Ngày 16-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng thi  
công xây dựng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền.

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Văn Luật;

Ông Nguyễn Minh Tấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 4 năm 2021 và ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 08/2021/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng*”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 11/2020/KDTM-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Công ty TNHH V.T.K.N; địa chỉ trụ sở: Thửa đất số X, tờ bản đồ số Y, khu đô thị M, phường P, thành phố T, tỉnh B.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Thanh H, sinh năm 1968; địa chỉ: Số A đường N, Phường Z, quận B, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2022); có mặt.

**2. Bị đơn:** Công ty TNHH K.C.T; địa chỉ trụ sở: Khu phố M, phường U, thị xã T, tỉnh B.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Lin Hui H, sinh năm 1985, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2022); có mặt.

*Người phiên dịch do bị đơn chỉ định:* Bà Hồ Thu H sinh năm 1991; địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH K.C.T, Khu phố M, phường U, thị xã T, tỉnh B; có mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1983; địa chỉ: Số X, đường N, khu phố Y, phường P, thành phố T, tỉnh B; có đơn xin vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH K.C.T.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 05/5/2018, Công ty TNHH V.T.K.N (sau đây viết tắt là Công ty V.T.K.N) và Công ty TNHH K.C.T (sau đây viết tắt là Công ty K.C.T) ký kết Hợp đồng thi công số 03/2018/HĐTC về việc thi công xây dựng công trình: Nhà xưởng Công ty K.C.T tại địa chỉ: Khu phố M, phường U, thị xã T, tỉnh B với tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm 10% thuế Giá gia tăng) là 8.650.000.000 đồng (*bằng chữ: Tám tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Sau khi ký hợp đồng xây dựng, Công ty V.T.K.N đã thực hiện đúng thỏa thuận tại hợp đồng trên. Ngày 30/3/2019, giữa Công ty V.T.K.N và Công ty K.C.T đã thống nhất lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng thi công số 03/2018/HĐTC. Cùng ngày, giữa hai công ty đã thống nhất lập biên bản thanh lý hợp đồng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng thì Công ty K.C.T phải thanh toán cho Công ty V.T.K.N thành 08 đợt:

Đợt 1: Thanh toán số tiền 865.000.000 đồng.

Đợt 2: Thanh toán số tiền 2.595.000.000 đồng.

Đợt 3: Thanh toán số tiền 1.297.500.000 đồng.

Đợt 4: Thanh toán số tiền 1.297.500.000 đồng.

Đợt 5: Thanh toán số tiền 1.297.500.000 đồng.

Đợt 6: Thanh toán số tiền 432.500.000 đồng.

Đợt 7: Đã thỏa thuận khấu trừ không thanh toán đợt 7.

Đợt 8: Công ty K.C.T sẽ thanh toán số tiền phần bảo hành còn lại là 432.500.000 đồng vào ngày kết thúc bảo hành 30/3/2020.

Sau khi hết thời hạn bảo hành, nhiều lần Công ty V.T.K.N yêu cầu Công ty K.C.T thanh toán số tiền còn lại. Ngày 13/4/2020, Công ty K.C.T có văn bản cho rằng bị tác động bởi dịch Covid-19 nên gặp nhiều khó khăn, đợi khi nào Công ty K.C.T đi vào hoạt động ổn định sẽ thanh toán số tiền còn lại cho Công ty V.T.K.N. Tuy nhiên, cho đến nay, Công ty K.C.T vẫn không thanh toán cho Công ty V.T.K.N số tiền còn nợ nên Công ty V.T.K.N khởi kiện yêu cầu buộc Công ty K.C.T phải thanh toán số tiền nợ gốc 432.500.000 đồng; yêu cầu thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng tính từ ngày 31/3/2020 đến ngày 30/10/2020

với mức lãi suất 0,1%/ngày là 91.690.000 đồng; yêu cầu thanh toán tiền lại chậm thanh toán là tính từ ngày 31/3/2020 đến ngày 30/10/2020 với mức lãi suất 10%/năm là 25.121.000 đồng. Tổng cộng Công ty V.T.K.N yêu cầu Công ty K.C.T thanh toán số tiền 549.311.000 đồng.

Đối với chứng cứ Công ty K.C.T cung cấp là Phụ lục hợp đồng ngày 28/6/2019, sau khi các bên hoàn tất thì Công ty V.T.K.N sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty K.C.T và Công ty K.C.T sẽ thanh toán tiền và số tiền trên là số tiền thanh toán của đợt 6. Như vậy, phụ lục hợp đồng là phụ lục của lần thanh toán thứ 6. Ngoài ra, Công ty K.C.T cung cấp 02 đơn thông báo ngày 23/9/2019 và ngày 09/11/2019, nguyên đơn không nhận được 02 thông báo này, chỉ nhận được ý kiến ngày 13/4/2020 gửi cho Công ty V.T.K.N, theo văn bản này thì Công ty K.C.T xác nhận chưa thanh toán là do lỗi của Công ty K.C.T không liên quan đến việc bảo hành công trình hay lỗi nào của Công ty V.T.K.N.

Đối với việc thực hiện Phụ lục hợp đồng ngày 28/6/2019, đây không thuộc nghĩa vụ bảo hành, đây là sửa chữa theo yêu cầu của các bên. Sau đó, các bên có xác nhận không bằng văn bản mà bằng thỏa thuận miệng, không thực hiện nghiệm thu bằng văn bản mà trực tiếp mở hóa đơn thanh toán đợt 6 theo khoản 10 Điều 2 phụ lục hợp đồng, Công ty K.C.T đã đồng ý và thanh toán số tiền này. Đối với ý kiến phúc đáp ngày 13/4/2020, Công ty K.C.T cho rằng thực hiện giãn cách xã hội, Công ty K.C.T vẫn làm việc và từ thời điểm có ý kiến trên cho đến nay Công ty K.C.T không có văn bản nào thay đổi ý kiến đối với việc thanh toán đã đề cập trong văn bản ngày 13/4/2020.

*\* Theo bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Ngày 05/5/2018, Công ty K.C.T và Công ty V.T.K.N có ký Hợp đồng xây dựng số 03/2018/HĐTC. Theo nội dung hợp đồng, Công ty V.T.K.N nhận thầu xây dựng nhà xưởng cho Công ty K.C.T trong thời gian 140 ngày làm việc (bắt đầu từ ngày khởi công) với diện tích xây dựng là 4.104m<sup>2</sup> tọa lạc tại Khu phố M, phường U, thị xã T, tỉnh B. Tổng giá trị hợp đồng là 8.650.000.000 đồng. Thời hạn bảo hành công trình là 01 năm, kể từ ngày hoàn công.

Ngày 30/3/2019, hai bên công ty đã tiến hành ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng, đưa vào sử dụng từ ngày 30/3/2019. Cùng ngày, hai bên công ty cũng ký biên bản thanh lý Hợp đồng xây dựng số 03/2018/HĐTC ngày 05/5/2018 để đưa công trình xây dựng vào sử dụng. Trong Biên bản thanh lý hợp đồng, hai bên thống nhất xác nhận Công ty V.T.K.N đã hoàn thành nghĩa vụ thi công công trình nhà xưởng cho Công ty K.C.T, đồng thời Công ty V.T.K.N cũng xác nhận Công ty K.C.T đã thanh toán xong 6 đợt tiền cho Công ty V.T.K.N. Riêng đợt 7 thì hai bên đã thỏa thuận khấu trừ, không cần thanh toán. Đợt 8 là giá trị phần bảo hành, sẽ thanh toán khi hết thời hạn bảo hành là 01 năm kể từ ngày bàn giao công trình (ngày bàn giao là ngày 30/3/2019).

Sau khi nhận công trình đưa vào hoạt động, Công ty K.C.T phát hiện công trình xảy ra nhiều sự cố cần được sửa chữa, bảo hành. Qua nhiều lần làm việc, đến ngày 28/6/2019, hai bên đã thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng xác nhận những hạng mục mà Công ty V.T.K.N đồng ý sửa chữa, bảo hành công trình cho Công ty K.C.T. Ngoài ra, tại Phụ lục hợp đồng này, Công ty V.T.K.N còn cam kết hoàn thành các tài liệu cần thiết cho việc xin giấy phép hoàn công và giấy phép nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy cho Công ty K.C.T. Theo Điều 2 của Phụ lục hợp đồng cũng thể hiện đối với phần sửa chữa, bảo hành thì hai bên thỏa thuận: Bên B (Công ty V.T.K.N) phải đưa ra phiếu nghiệm thu xác nhận đã hoàn thành việc sửa chữa, bên Công ty K.C.T phải ký tên, đóng dấu và fax lại cho Công ty V.T.K.N. Tuy nhiên, đến nay Công ty V.T.K.N không thực hiện các nội dung sửa chữa, bảo hành đã ký kết, không cung cấp phiếu nghiệm thu, cũng không bàn giao các tài liệu cần thiết cho việc xin giấy phép hoàn công và giấy phép nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy cho Công ty K.C.T (thỏa thuận tại Điều IV của Phụ lục hợp đồng ngày 28/6/2019) mà yêu cầu Công ty K.C.T thanh toán đợt 8 giá trị hợp đồng là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật. Trước yêu cầu khởi kiện của Công ty V.T.K.N, Công ty K.C.T không đồng ý với các lý do sau:

Thứ nhất, Công ty V.T.K.N không thực hiện nghĩa vụ sửa chữa, bảo hành công trình xây dựng cho Công ty K.C.T đúng như hai bên đã thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng được ký kết giữa hai bên vào ngày 21/6/2019 và 28/6/2019 mặc dù Công ty K.C.T đã nhiều lần khiếu nại, nhắc nhở.

Thứ hai, Công ty V.T.K.N chưa thực hiện nghĩa vụ sửa chữa, bảo hành đúng thỏa thuận nêu trên nên đến thời điểm hiện nay Công ty V.T.K.N vẫn chưa xuất trình được biên bản nghiệm thu xác nhận đã hoàn thành việc sửa chữa, bảo hành theo Phụ lục hợp đồng ký ngày 28/6/2019 có chữ ký, đóng dấu của hai bên công ty. Ngoài ra, Công ty V.T.K.N cũng chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng đợt 8 cho Công ty K.C.T theo khoản 9, Phần A, Điều 2 của Hợp đồng xây dựng số 03/2018/HĐTC ngày 05-5-2018.

Đối với 02 đơn thông báo ngày 23/9/2019 và 09/11/2019 thì Công ty K.C.T đã gửi cho bà Đặng Thị V là nhân viên của Công ty V.T.K.N phụ trách công trình xây dựng của Công ty V.T.K.N, Công ty K.C.T gửi trực tiếp và trao đổi với bà V, bà V xác nhận đã nhận được và cam kết báo lại công ty.

Đối với chứng cứ Công ty V.T.K.N cung cấp là Văn bản trình bày ý kiến phúc đáp ngày 13/4/2020 thì Công ty K.C.T phúc đáp yêu cầu cầu thanh toán của công ty V.T.K.N. Tuy nhiên, thời gian này Công ty K.C.T phải thực hiện giãn cách xã hội ngưng hoạt động theo yêu cầu của Chính phủ nên chưa rà soát hồ sơ, kiểm tra điều kiện thanh toán. Sau khi Công ty V.T.K.N khởi kiện thì Công ty K.C.T kiểm tra lại hồ sơ và nhận thấy chưa đủ điều kiện thanh toán đợt 8 theo như đã trình bày trên.

*\* Quá trình tố tụng, người làm chứng ông Đỗ Văn M trình bày:* Ông M là người chịu trách nhiệm trực tiếp thi công công trình của Công ty K.C.T. Trước khi đưa vào lắp đặt, toàn bộ các kết cấu thép đã được sử dụng sơn chống gỉ để

sơn phủ lên một lần nhưng chủ đầu tư vẫn yêu cầu tiếp tục sửa chữa theo yêu cầu, trong đó có yêu cầu sử dụng sơn chống gỉ để sơn lại kết cấu thép trong nhà máy. Đơn vị thi công đã thực hiện việc sơn chống gỉ kết cấu thép trong nhà máy theo khoản 2 Điều 2 Phụ lục hợp đồng ngày 28/6/2019, đây là công tác sửa chữa trong giai đoạn thi công đợt 6 theo yêu cầu của chủ đầu tư; việc sơn chống gỉ cũng như các hạng mục còn lại trong phụ lục hợp đồng đã được Công ty K.C.T kiểm tra và nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu số 06/KCT và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng ngày 30/3/2019.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 11/2020/KDTM-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

*“1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V.T.K.N đối với Công ty TNHH K.C.T.*

*Buộc Công ty TNHH K.C.T có nghĩa vụ thanh toán Công ty TNHH V.T.K.N tổng số tiền 457.987.225 đồng (Bốn trăm năm mươi bảy triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 432.500.000 đồng và nợ lãi là 25.487.225 đồng.*

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.*

*2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V.T.K.N đối với Công ty TNHH K.C.T về việc yêu cầu Công ty TNHH K.C.T thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng tính từ ngày 31-3-2020 đến ngày 30-10-2020 với mức lãi suất 0,1%/ngày là 91.690.000 đồng (Chín mươi một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).”*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 11/11/2020, bị đơn Công ty K.C.T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc buộc Công ty K.C.T phải thanh toán cho Công ty V.T.K.N tổng số tiền 457.987.225 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 11/2020/KDTM-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 352.054.933 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày ngày 31/3/2020 đến ngày 30/10/2020 số tiền 25.121.000 đồng (hai mươi lăm triệu một trăm hai mươi một nghìn đồng).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty K.C.T làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đương sự đã đóng tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[1.2] Người làm chứng ông Đỗ Văn M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng, các đương sự thống nhất:**

Công ty V.T.K.N và Công ty K.C.T có ký kết Hợp đồng thi công số 03/2018/HĐTC ngày 05/5/2018 về việc thi công xây dựng công trình nhà xưởng Công ty K.C.T tại địa chỉ Khu phố M, phường U, thị xã T, tỉnh B với tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm 10% thuế Giá trị gia tăng) là 8.650.000.000 đồng (*bằng chữ: Tám tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn bảo hành là 01 năm kể từ ngày bàn giao công trình. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty K.C.T đã thanh toán cho Công ty V.T.K.N tổng số tiền 7.785.000.000 đồng, cụ thể:

Đợt 1: Thanh toán số tiền 865.000.000 đồng.

Đợt 2: Thanh toán số tiền 2.595.000.000 đồng.

Đợt 3: Thanh toán số tiền 1.297.500.000 đồng.

Đợt 4: Thanh toán số tiền 1.297.500.000 đồng.

Đợt 5: Thanh toán số tiền 1.297.500.000 đồng.

Đợt 6: Thanh toán số tiền 432.500.000 đồng.

Đợt 7: Đã thỏa thuận khấu trừ không thanh toán đợt 7.

Đợt 8: Công ty K.C.T sẽ thanh toán số tiền phần bảo hành còn lại là 432.500.000 đồng vào ngày kết thúc bảo hành 30/3/2019.

Ngày 30/3/2019, Công ty V.T.K.N và Công ty K.C.T đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng và ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

Ngày 28/6/2019, Công ty V.T.K.N và Công ty K.C.T có ký Phụ lục hợp đồng của Hợp đồng thi công số 03/2018/HDTC.

Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty K.C.T.

[3.1] Đối với số tiền 432.500.000 đồng.

[3.1.1] Tại phiên tòa, bị đơn trình bày: Ngày 30/3/2019, bị đơn và nguyên đơn ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng và ký biên bản thanh lý hợp đồng. Sau khi nhận công trình đưa vào hoạt động, bị đơn phát hiện công trình chưa đạt yêu cầu, cần được sửa chữa. Ngày 28/6/2019, bị đơn và nguyên đơn ký Phụ lục hợp đồng của Hợp đồng thi công số 03/2018/HDTC với nội dung: Nguyên đơn chịu trách nhiệm sửa chữa các hạng mục được ghi tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều II của Phụ lục hợp đồng. Đối với các hạng mục được ghi tại khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều II của Phụ lục hợp đồng, mặc dù bị đơn có văn bản nhắc nhở nhiều lần nhưng nguyên đơn vẫn không thực hiện, bị đơn không có ý kiến. Đối với hạng mục tại khoản 2 Điều 2 của Phụ lục hợp đồng các bên đã thỏa thuận: *“Bên B cần phải sử dụng sơn chống gỉ để sơn lại kết cấu thép trong nhà máy mới một lần”*, tuy nhiên, Công ty V.T.K.N chỉ sơn dặm lại những chỗ sơn bị bong tróc trên kết cấu thép, nên Công ty K.C.T không đồng ý thanh toán số tiền bảo hành 432.500.000 đồng cho nguyên đơn.

[3.1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Trước khi bàn giao công trình, nguyên đơn đã sử dụng sơn chống gỉ để sơn toàn bộ kết cấu thép nhà xưởng. Ngày 28/6/2019, nguyên đơn và bị đơn ký Phụ lục hợp đồng của Hợp đồng thi công số 03/2018/HDTC, trong đó bị đơn yêu cầu nguyên đơn *“phải sử dụng sơn chống gỉ để sơn lại kết cấu thép trong nhà máy mới một lần”*, tuy nhiên, khi nguyên đơn đến công trình để thực hiện thì hai bên thỏa thuận chỉ sơn dặm lại những chỗ sơn bị bong tróc. Do đó, nguyên đơn đã sơn dặm những chỗ sơn bong tróc và bàn giao công trình cho bị đơn chính thức vào tháng 7/2019, nhưng 02 bên thống nhất ký biên bản bàn giao ghi ngày 30/3/2019.

Xét thấy: Tại khoản 2 Điều II của Phụ lục hợp đồng thể hiện: *“Bên B cần phải sử dụng sơn chống gỉ để sơn lại kết cấu thép trong nhà máy mới một lần”*, nguyên đơn cho rằng hai bên thỏa thuận chỉ sơn lại những chỗ sơn bị bong tróc nhưng không cung cấp được chứng cứ. Đồng thời, nguyên đơn cho rằng, nguyên đơn bàn giao công trình cho bị đơn chính thức vào tháng 7/2019, chứ không phải ngày 30/9/2019, tuy nhiên, nguyên đơn cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc bàn giao công trình vào tháng 7/2019.

Quá trình tố tụng, bị đơn yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu thẩm định giá sơn chống gỉ trên toàn bộ kết cấu thép của nhà xưởng và thẩm định đối với phần sơn bị bong tróc đã được nguyên đơn sơn lại. Tại Chứng thư thẩm định giá số 1172HCM/2021/CT-TĐG/AVC ngày 20/12/2021 của Công ty TNHH Định giá C đã kết luận: Giá trị sơn đã khắc phục là 21.082.853 đồng; giá trị công tác

sơn để hoàn thành công trình là 79.995.067 đồng (tổng giá trị thực hiện sơn chống gỉ kết cấu thép là 101.077.920 đồng).

Tại Điều 4 của Hợp đồng quy định: “Sau khi hết thời gian bảo hành là một năm kể từ ngày hoàn công Công ty K.C.T thanh toán cho Công ty V.T.K.N 5% giá trị hợp đồng tương đương 432.500.000 đồng”. Như vậy, số tiền 432.500.000 đồng là tiền bảo hành toàn bộ công trình. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn “phải sử dụng sơn chống gỉ để sơn lại kết cấu thép trong nhà máy mới một lần” là sửa chữa một phần công trình trị giá 101.077.920 đồng, tuy nhiên, nguyên đơn chỉ sơn lại những chỗ bị bong tróc trị giá 21.082.853 đồng, do đó tiền bảo hành sẽ được trừ vào giá trị công việc mà nguyên đơn chưa thực hiện (432.500.000 đồng - 79.995.067 đồng). Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền bảo hành còn lại là 352.504.933 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán từ ngày 31/3/2020 đến ngày 30/10/2020 với số tiền là 25.121.000 đồng của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi chậm thanh toán tính từ 31/3/2020 đến ngày 30/10/2020 với số tiền là 25.121.000 đồng. Như nhận định trên, tiền bảo hành được khấu trừ vào giá trị công việc nguyên đơn chưa thực hiện, bị đơn không chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, do đó, yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty K.C.T là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm.

[5] Đối với phần còn lại của bản án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ chấp nhận.

[7] Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn có căn cứ chấp nhận, bị đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

[9] Chi phí thẩm định giá: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 161, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH K.C.T.

2. Sửa một phần Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 11/2020/KDTM-ST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V.T.K.N đối với bị đơn Công ty TNHH K.C.T.

Buộc Công ty TNHH K.C.T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH V.T.K.N số tiền 352.504.933 đồng (ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm lẻ bốn nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V.T.K.N đối với bị đơn Công ty TNHH K.C.T đối với số tiền 79.995.067 đồng (bảy mươi chín triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng) và lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 31/3/2020 đến ngày 30/10/2020 với số tiền là 25.121.000 đồng (hai mươi lăm triệu một trăm hai mươi một nghìn đồng).

2.3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH V.T.K.N phải chịu 5.255.803 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm lẻ ba đồng) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 11.679.350 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0038244 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Hoàn trả cho Công ty TNHH V.T.K.N 6.423.547 đồng (sáu triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng).

- Công ty TNHH K.C.T phải chịu 17.625.246 đồng (mười bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH K.C.T không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH K.C.T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0051937 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Chi phí thẩm định giá: Công ty TNHH V.T.K.N phải chịu 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) chi phí thẩm định giá, Công ty TNHH K.C.T đã thanh toán xong. Do đó, Công ty TNHH V.T.K.N có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH K.C.T số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- TAND thị xã Tân Uyên;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Kinh tế.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huyền**